

Bản án số: 89/2018/DS-ST

Ngày: 31/5/2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TÓNG VĂN TỰ**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **ĐINH VĂN THÔNG** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **LÊ THỊ C**, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **NGUYỄN THỊ V**, sinh năm 1953 (Có đơn xin vắng mặt)

Ông **PHẠM XUÂN T**, sinh năm 1957 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 06/3/2018 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Do chỗ quen biết nên bà C có cho vợ chồng ông T và bà V vay tiền, mục đích vay là cần vốn để làm ăn. Cụ thể: Vào ngày 03/8/2011 âm lịch vay 50.000.000đ; ngày 27/8/2011 âm lịch vay 10.000.000đ. Tổng cộng hai lần vay là 60.000.000đ, lãi suất thoả thuận là 3%/tháng. Bà V đại diện làm giấy biên nhận cho bà làm tin. Trong quá trình vay, ông bà đã trả được cho bà số tiền 16.000.000đ, hiện còn nợ lại 44.000.000đ. Nay bà C yêu cầu vợ chồng ông T, bà V cùng liên đới chịu trách nhiệm trả một lần số tiền vốn 44.000.000đ cho bà ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/3/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Thống nhất có việc vay số tiền tổng cộng 60.000.000đ từ bà C và trong quá trình vay đã trả được 16.000.000đ, còn nợ lại 44.000.000đ. Mục đích vay để làm ăn. Nay bà đồng ý một mình đứng ra trả số tiền còn nợ 44.000.000đ cho bà C nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ đến hết nợ.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/4/2018, bị đơn ông Phạm Xuân T trình bày: Trong quá trình làm ăn do thiếu vốn nên vợ ông là bà V có vay tiền chỗ bà C nhưng nội dung sự việc sao ông không rõ, ông không có liên quan gì nên ông không đồng ý cùng bà V đứng ra trả nợ cho bà C.

Tại phiên toà, bị đơn bà V và ông T đều có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn cùng liên đới trả số tiền vốn vay còn lại 44.000.000đ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** - Bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Xuân T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V và ông T.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn đã tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay còn lại là 44.000.000đ, không yêu cầu trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 03/8/2011 đến ngày xét xử. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tôn trọng và chấp nhận quyền tự định đoạt của đương sự.

Về nội dung:

[2] Nguyên đơn bà C và bị đơn bà V cùng trình bày thống nhất là hiện bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền nợ vốn vay còn lại là 44.000.000đ. Đồng thời, bà V cũng thừa nhận đã làm biên nhận nợ cho nguyên đơn. Do đó, xác định hợp đồng vay tài sản giữa các bên thực tế đã phát sinh theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và Tòa án có đủ căn cứ buộc ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị V cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị C số tiền vốn vay 44.000.000đ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Bởi lẽ, nguyên đơn khẳng định đã cho vợ chồng ông T và bà V vay để làm vốn làm ăn phục vụ cuộc sống gia đình nhưng chỉ có bà V đại diện làm biên nhận cho nguyên đơn làm tin, cũng như khoản nợ vay này đã phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà V nên ông T không thể lấy lý do không

biết hay không liên quan gì để trốn tránh trách nhiệm. Thêm vào đó, nguyên đơn tại Toà đã tạo điều kiện trả nợ cho bị đơn nên chỉ yêu cầu ông T, bà V cùng liên đới trả số tiền vốn vay 44.000.000đ. Bà V cũng thống nhất trả nhưng lại nại ra rằng do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ đến hết nợ. Ý kiến này của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, số tiền này vay đã lâu, đáng lẽ bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn khi đến hạn nhưng vẫn kéo dài mãi đến nay mà chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay lại xin trả dần đến hết nợ là thiệt thòi quyền lợi và kéo dài thời gian trả nợ cho nguyên đơn. Từ đó, buộc vợ chồng ông T, bà V cùng chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn 44.000.000đ cho nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 244, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

Buộc bị đơn ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Lê Thị C số tiền vốn vay 44.000.000đ.

Kể từ ngày bà Lê Thị C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị V chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị V phải liên đới chịu 2.200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Lê Thị C số tiền 1.100.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 08272 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

